TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 13 tháng 7 năm 2020

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 64

Môn: Phần V.1. Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở

Ngày thi: 19/6/2020

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Nguyễn Bình An	7,50	Bảy phẩy năm	34	Lương Trọng Kiên	7,50	Bảy phẩy năm
2	Nông Văn An	7,00	Bảy	35	Nông Thanh Lịch	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Trần Thị Vân Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	36	Đinh Bộ Lĩnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nông Bảo Anh	7,50	Bảy phẩy năm	37	Phạm Thị Loan	7,50	Bảy phẩy năm
5	Nguyễn Kim Anh	7,50	Bảy phẩy năm	38	Lý Đức Long	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hứa Thị Bích	7,75	Bảy phẩy bảy năm	39	Phùng Văn Luận	7,50	Bảy phẩy năm
7	Đàm Minh Chung	8,00	Tám	40	Chu Tuấn Nghĩa	7,00	Bảy
8	Trần Văn Chưởng	7,50	Bảy phẩy năm	41	Phạm Thị Linh Nhâm	7,50	Bảy phẩy năm
9	Long Văn Công	6,50	Sáu phẩy năm	42	Vi Đàm Nhất	7,00	Bảy
10	Trần Thị Kim Diệu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Hoàng Thế Phương	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Nguyễn Thị Đông	7,50	Bảy phẩy năm	44	Lưu Danh Phượng	8,00	Tám
12	Lôi Vĩnh Du	7,50	Bảy phẩy năm	45	Nông Văn Quảng	8,00	Tám
13	Đặng Việt Dũng		**Hoãn thi**	46	Nông Văn Tân		**Thôi học**
14	Bế Đức Dũng		**Thôi học**	47	Lương Anh Tân	7,50	Bảy phẩy năm
15	Triệu Văn Dương	7,50	Bảy phẩy năm	48	Huỳnh Cao Thái	8,00	Tám
16	Lục Quang Giang	7,25	Bảy phẩy hai năm	49	Hoàng Thị Thắm	8,00	Tám
17	Hoàng Hà	8,00	Tám	50	Phùng Trung Thành	7,50	Bảy phẩy năm
18	Hoàng Minh Hải	7,00	Bảy	51	Lương Đình Thi	8,00	Tám
19	Lê Minh Hải	7,50	Bảy phẩy năm	52	Long Thị Thiềm	8,00	Tám
20	Đỗ Ngọc Hải	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Nông Văn Thọ	8,25	Tám phẩy hai năm
21	Lê Thị Hồng Hạnh	8,00	Tám	54	Đặng Thị Kim Thoa	7,25	Bảy phẩy hai năm
22	Lô Thị Hiếu	6,75	Sáu phẩy bảy năm	55	Hoàng Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Nông Minh Hoàn	6,50	Sáu phẩy năm	56	Đàm Thị Thúy	8,00	Tám
24	Ngọc Văn Hội	7,00	Bảy	57	Vũ Thị Quỳnh Trang	8,00	Tám
25	Mã Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	58	Nguyễn Thị Thu Trang	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
26	Lương Xuân Huân	7,50	Bảy phẩy năm	59	La Thu Trang	8,00	Tám
27	Nông Quốc Huân	8,00	Tám	60	Nông Văn Trường	7,00	Bảy
28	Nguyễn Thị Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Đinh Quốc Trưởng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Lương Thị Hường	8,00	Tám	62	Nguyễn Thanh Tùng	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Nguyễn Xuân Huyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	63	Vy Văn Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
31	Mã Thị Thanh Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	64	Dương Thị Hồng Vân	8,50	Tám phẩy năm
32	Lương Trung Kiên	6,50	Sáu phẩy năm	65	Nguyễn Thị Vân	8,00	Tám
33	Nông Trung Kiên	7,00	Bảy	66	Đàm Quang Xô	7,75	Bảy phẩy bảy năm

Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 6,75: 01 điểm; Điểm 7,00: 07 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 17 điểm; Điểm 7,75: 10 điểm; Điểm 8,00: 16 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm; Điểm 8,50: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
		ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG TỈNH ỦY CAO BẰNG
Lê Thị Thư	Hoàng Việt Hưng	Trịnh Thị Ánh Hoa